

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 567/2018/HNGĐ-ST
Ngày 22-11-2018
V/v tranh chấp về ly hôn giữa chị
H với anh T.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Phượng.
2. Ông Nguyễn Ngọc Bờ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Ngô Minh Đông – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 253/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 210/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị H, sinh năm 1983 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Tổ 21, ấp Mỹ Thiện, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Anh Nguyễn Chí T, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Tổ 21, ấp Mỹ Thiện, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 5 năm 2018 và trong quá trình hòa giải, xét xử, nguyên đơn chị Huỳnh Thị H trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị và anh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1999, vợ chồng chung sống nhau đến nay không có đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hạnh phúc, nhưng dần về sau phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, chị và anh T đã

ly thân từ ngày 30/3/2018 cho đến nay. Cuộc sống vợ chồng không thể hàn gắn chung sống lâu dài với nhau được nữa. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Chí T.

2. Về con chung: Có 02 con tên Nguyễn Chí P, sinh ngày 06 tháng 6 năm 2001 và Nguyễn Chí K, sinh ngày 10 tháng 8 năm 2004, hiện 02 con đang chung sống với chị. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Diện tích 91m² đất thổ cư tọa lạc ấp Mỹ Thiện, xã M, huyện C, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03610 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 18 tháng 6 năm 2012 cấp cho Nguyễn Chí T và Huỳnh Thị H cùng đứng tên. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn anh T Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh.

Tại phiên tòa:

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 16/10/2018 nguyên đơn chị H trình bày: do hoàn cảnh phải đi làm ăn xa, xin nghỉ phép khó khăn. Chị vẫn yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh T.

Bị đơn anh Nguyễn Chí T vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh T Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Chị H và anh T chung sống với nhau từ năm 1999 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định, nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hơn nữa, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ tháng 3 năm 2018 cho đến nay, vợ chồng không còn thương yêu, quan T, chăm sóc lẫn nhau, nên chị H yêu cầu ly hôn anh T là có cơ sở. Do chị H và anh T không đăng ký kết hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng.

- Về con chung: Chị H và anh T có 02 con tên Nguyễn Chí P, sinh ngày 06 tháng 6 năm 2001 và Nguyễn Chí K, sinh ngày 10 tháng 8 năm 2004, hiện 02 cháu đang chung sống với chị H. Chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các cháu. Tại bản ý kiến ngày 20/10/2018 cháu P và Cháu K có nguyện vọng được

tiếp tục sống chung với chị H. Xét, cháu K và cháu P đang do chị H chăm sóc nuôi dưỡng, nay chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các cháu, hai cháu có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và tạo điều kiện ổn định cuộc sống, học tập cho cháu nên giao các cháu cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: Giấy khai sinh (bản sao) của P, K; bản ý kiến của P, K; phiếu gửi bưu điện và Giấy chứng nhận QSD đất số BE 780496 (photo).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp của các đương sự là về ly hôn, bị đơn có địa chỉ thường trú tại địa bàn huyện C, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Đối với nguyên đơn chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh T đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng và được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định pháp luật tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị H và anh T chung sống với nhau từ năm 1999 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng đã ly thân từ tháng 3 năm 2018. Nay chị H cho rằng tình cảm không còn, xin được ly hôn với anh T.

Xét, quan hệ hôn nhân của chị H và anh T, Hội đồng xét xử nhận định: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh địa chỉ nơi cư trú, tình trạng hôn nhân của anh chị thì được chính quyền địa phương xác nhận anh T có đi làm ăn ở xa, có về thăm nhà, còn về mâu thuẫn gia đình thì địa phương không biết. Chị H và anh T chung sống một thời gian dài nhưng không đăng ký kết hôn là không phù hợp quy định pháp luật tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hôn

nữa, quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn và ly thân đã lâu nên chị H yêu cầu ly hôn với anh T là có cơ sở, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H, nhưng do anh chị không đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng như đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh T có 02 con tên Nguyễn Chí P, sinh ngày 06 tháng 6 năm 2001 và Nguyễn Chí K, sinh ngày 10 tháng 8 năm 2004, hiện 02 cháu đang chung sống với chị H. Chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các cháu. Tại bản ý kiến ngày 20/10/2018 cháu P và cháu K có nguyện vọng được sống chung với chị H. Xét, cháu K và cháu P đang do chị H chăm sóc nuôi dưỡng, nay chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các cháu, anh T không có ý kiến. Với yêu cầu của chị H và nguyện vọng của hai cháu, Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và tạo điều kiện ổn định tinh thần, sinh sống, học tập, vui chơi của các cháu nên giao các cháu cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 như đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Huỳnh Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0002267 ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi Hành án dân sự huyện C.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Xử

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Huỳnh Thị H với anh Nguyễn Chí T.

2. Về con chung: Chị H và anh T có 02 con tên Nguyễn Chí P, sinh ngày 06 tháng 6 năm 2001 và Nguyễn Chí K, sinh ngày 10 tháng 8 năm 2004. Giao các cháu P, K cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Huỳnh Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0002267 ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi Hnh án dân sự huyện C.

6. Về quyền kháng cáo: Do các đương sự vắng mặt tại phiên tòa nên thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày kể từ ngày đương sự nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự (để thi Hnh);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Thi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Bờ Nguyễn Thị Kim Phượng

Lê Thị Hồng Thi

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã Bình An, Châu Thành, tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Thi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Bờ Phạm Văn Trung

Lê Thị Hồng Thi

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Tiên Đoàn Văn Hiến

Lê Thị Hồng Thi

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C**
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 30 phút, ngày 28 tháng 9 năm 2018.

Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện C.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Thi.

+ Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Tiền.

2. Ông Đoàn Văn Hiền.

Tiến Hnh nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 308/2018/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 6 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn” giữa:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị Xuân, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Bình Thạnh, xã Bình Chánh, huyện C, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh Phương, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Tổ 01, ấp Bình Lộc, xã Bình Chánh, huyện C, tỉnh An Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

- Về quan hệ pháp luật: Biểu quyết 3/3.

“Tranh chấp ly hôn”

- Về áp dụng pháp luật: Biểu quyết 3/3.

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 56, Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về nội dung vụ án:

1. Về hôn nhân: Biểu quyết 3/3.

Cho ly hôn giữa chị Phan Thị Xuân và anh Nguyễn Thanh Phương.

2. Về con chung: Biểu quyết 3/3.

Có 02 con chung tên Nguyễn Thanh Nam, sinh ngày 19 tháng 11 năm 2004 và Nguyễn Thị Bích Tuyền, sinh ngày 18 tháng 01 năm 2007 giao 02 con chung cho anh Phương trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Xuân có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung không có: Biểu quyết 3/3.

Hội đồng xét xử không xem xét

4. Về án phí sơ thẩm: Biểu quyết 3/3.

Chị Phan Thị Xuân phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002185 ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi Hành án dân sự huyện C.

5. Về quyền kháng cáo: Biểu quyết 3/3.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nghị án kết thúc vào hồi 11 giờ 15 phút, ngày 28/9/2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả tHnh viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Tiền Đoàn Văn Hiến

Lê Thị Hồng Thi

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;

TÒA

- VKSND huyện C;

- Chi cục THADS huyện C;

- UBND xã Đào Hữu Cảnh;

- Các đương sự (để thi Hnh);

- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN**

Lê Thị Hồng Thi

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Tiên Trần Thị Kim Bình

Lê Thị Hồng Thi

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;

TÒA

- VKSND huyện C;

- Chi cục THADS huyện C;

- UBND xã Bình Mỹ;

- Các đương sự (để thi Hnh);

- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN**

Lê Thị Hồng Thi

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
NAM
HUYỆN C
TỈNH AN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

C, ngày 26 tháng 01 năm 2015

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Về “T/c về ly hôn”, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Thanh Tùng, sinh năm 1984

2. Bị đơn: Chị Phan Thị Thi, sinh năm 1992

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Ngọc Phi

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Nghi Bình; Ông Huỳnh Công Tấn

Sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử thống nhất như sau:

* Về quan hệ pháp luật: “tranh chấp về ly hôn”: Thống nhất 3/3

* Về áp dụng pháp luật: điểm b Điều 199, khoản 3 Điều 202, khoản 4 Điều 131, khoản 1 Điều 245 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 8 Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Thống nhất 3/3

* Về nội dung:

- Anh Lê Thanh Tùng được ly hôn với chị Phan Thị Thi: Thống nhất 3/3

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Sẽ giải quyết tHnh vụ án khác khi đương sự có yêu cầu: Thống nhất 3/3.

- Về án phí: Anh Tùng phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 200.000đ, được trừ vào 200.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001166 ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Chi cục thi Hnh án dân sự huyện C.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết: Thống nhất 3/3

Trương hợp bản án, quyết định được thi Hnh theo quy định tại Điều 2 Luật thi Hnh án dân sự thì người được thi Hnh án dân sự, người phải thi Hnh án dân sự

có quyền thỏa thuận thi Hình án, quyền yêu cầu thi Hình án, tự nguyện thi Hình án hoặc bị cưỡng chế thi Hình án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi Hình án dân sự; thời hiệu thi Hình án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hình án dân sự: Thống nhất 3/3.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Nghi Bình

Huỳnh Công Tấn

Ngô Ngọc Phi